

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ CÔNG THƯƠNG



SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH THÁI NGUYÊN
BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ
Hành chính phục vụ

HỒ SƠ MẪU

LĨNH VỰC: LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CỬA HÀNG
ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU

CHUNG TAY CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

[HTTP://DVC.THAINGUYEN.GOV.VN](http://dvc.thainguyen.gov.vn)

Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

*** Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
- Qua đường bưu điện;
- Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Cổng dịch vụ công Quốc gia: *dichvucong.gov.vn* hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Thái Nguyên: *svc.thainguyen.gov.vn*)

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 95/2021/NĐ-CP;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu;
- Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 18, Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP) và tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu;
- Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý và nhân viên cửa hàng theo quy định tại Khoản 4 Điều 24 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.
- Bản sao văn bản xác nhận cung cấp hàng cho các cửa hàng xăng dầu của thương nhân cung cấp;
- Bản sao giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ 05 năm trở lên của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

CÔNG TY A

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP

GIẤY CHỨNG NHẬN CỬA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên

Tên doanh nghiệp: Công ty A.....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính: Phường B, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên...

Số điện thoại: 09xxxxxxxx..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Mã số thuế: 4600xyxyxy.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu.

Tên cửa hàng bán lẻ xăng dầu: Cửa hàng số 1.....

Địa chỉ Phường B, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.....

Điện thoại: 09xxxxxxxx..... số Fax:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu; các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

* Hồ sơ kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.

2. Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu theo quy định và tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

3. Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

4. Bản sao văn bản xác nhận cung cấp hàng cho các cửa hàng xăng dầu của thương nhân cung cấp.

5. Bản sao giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ 05 năm trở lên của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI NGUYÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 4600

Đăng ký lần đầu: ngày tháng năm 20

Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày tháng năm 20

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: 02083

Fax: 02083

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 100.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày:

Dân tộc:

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 0915

Ngày cấp:

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh

Chỗ ở hiện tại: Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



CÔNG TY A

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày....tháng....năm 20...

BẢNG KÊ TRẠNG THIẾT BỊ
CỬA HÀNG SỐ 1

STT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bể chứa xăng	Bể	...
2	Bể chứa dầu	Bể	...
3	Cột bơm xăng	Cột	...
4	Cột bơm dầu	Cột	...
5	Bình chữa cháy	Bình	...
6	Bể nước	Cái	...
7	Bể cát	Cái	...

GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Ông (Bà) _____
Ngày sinh: _____ Nơi sinh: Thái Nguyên
Số chứng minh nhân dân: 090
Đã hoàn thành khóa đào tạo về nghiệp vụ bảo vệ môi trường
trong kinh doanh xăng dầu
Tổ chức từ ngày 01/11 - 03/11/20
Tại Thành phố Thái Nguyên
Thái Nguyên, ngày 16 tháng 11 năm 20

Số: _____
Cơ sở từ ngày: 16/11/20

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN

ĐỘI CÔNG AN
CẢNH SÁT PCCC TỈNH
THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TỈNH
CHỨNG NHẬN**

Ông/bà: _____ Năm sinh: _____
Số CMND/Hộ chiếu: 090 Ngày cấp: 23/10/2010
Nơi làm việc/thường trú: _____
Đã được huấn luyện nghiệp vụ: PCCC

Thời gian: Từ ngày 25/07/2018 đến ngày 26/07/20
Thái Nguyên, ngày 29 tháng 08 năm 20

CHỈ ĐỐC

Có giá trị sử dụng trên cả nước.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TIÊU THỤ XĂNG DẦU
Số:

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014, các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành và các sửa đổi/bổ sung (nếu có);

Căn cứ các Quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa lưu thông của Nhà nước;

Căn cứ Quy chế bán hàng và Chính sách bán hàng hiện hành của

Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai Bên,
Hôm nay, ngày tháng năm 2022

các bên

tham gia ký Hợp đồng gồm có:

BÊN BÁN (BÊN A): Công ty xăng dầu X

Địa chỉ : Tổ A, phường B, thành phố C

Điện thoại : Fax:

Tài khoản :

Mã số thuế :

Đại diện : Ông Nguyễn Văn X Chức vụ: Giám đốc

BÊN MUA (BÊN B): Công ty A

Địa chỉ : Phường B, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại : Fax:

Tài khoản :

Mã số thuế :

Đại diện : Ông Trần Văn Y Chức vụ: Giám đốc

Sau khi thoả thuận, hai Bên thống nhất ký Hợp đồng tiêu thụ xăng dầu (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) theo các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: MẶT HÀNG, SỐ LƯỢNG VÀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HOÁ

1.1 Mặt hàng và số lượng:

Bên A cam kết bán và Bên B cam kết mua các mặt hàng xăng dầu, bao gồm: Xăng RON95-III/RON95-IV, Xăng E5 RON92-II, dầu DO 0,05S-II/DO 0,035S-III/DO 0,005S-IV/DO 0,001S-V, sau đây gọi tắt là Hàng. Bên B có trách nhiệm mua toàn bộ lượng hàng theo kế hoạch nguồn hàng đăng ký với Bên A trong năm 2023 cụ thể như sau:

- Xăng RON95-III/RON95-IV	: 91.200 m ³
- Xăng E5 RON92- II	: 85.200 m ³
- Dầu DO 0,05S-II/DO 0,035S-III/DO 0,005S-IV/DO 0,001S-V	: 213.600 m ³
Tổng cộng	: 390.000 m³ quy về nhiệt độ chuẩn 15°C

1.2 Ngoài số lượng hàng Bên B đã đăng ký mua của Bên A quy định tại Khoản 1.1 nêu trên, Bên B có thể đăng ký mua hàng bổ sung với Bên A. Tùy theo nhu cầu của Bên B và khả năng đáp ứng của Bên A, hai Bên sẽ thống nhất bằng văn bản đối với lượng hàng mua bổ sung và các văn bản này là phần không tách rời của của Hợp đồng này.

1.3 Chất lượng hàng hoá: Chất lượng hàng hóa Bên A giao cho Bên B đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở do Bên A công bố, áp dụng và phù hợp với quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

ĐIỀU 2: ĐĂNG KÝ MUA HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG HÀNG BÁN

2.1 Căn cứ mặt hàng và số lượng hàng Bên B đã đăng ký mua của Bên A tại Khoản 1.1, Điều 1 của Hợp đồng này, Bên B có trách nhiệm đăng ký chi tiết khối lượng mua hàng cho từng tháng theo đúng quy định và hướng dẫn của Bên A tại Quy trình bán hàng cho Đơn vị kinh doanh hiện hành của Bên A. Trên cơ sở cân đối nguồn hàng, Bên A gửi văn bản xác nhận cho Bên B.

2.2 Khi phát sinh nhu cầu nhận hàng, Bên B gửi Đơn đặt hàng/Đề nghị mua hàng theo đơn vị tính lít ở nhiệt độ 15°C/kg (FO). Bên A sẽ kiểm tra, cân đối nguồn hàng và gửi văn bản thông báo xác nhận bán hàng cho Bên B.

2.3 Vào các ngày 05, ngày 10, ngày 15, ngày 20, ngày 25 và ngày cuối cùng của tháng, hai Bên phối hợp rà soát, tổng hợp lượng hàng Bên B đã mua từ Bên A theo từng giai đoạn. Nếu các ngày trên rơi vào ngày nghỉ theo quy định thì việc rà soát trên sẽ được thực hiện vào ngày làm việc trước đó.

2.3.1 Trường hợp Bên B chưa nhận đủ lượng hàng theo 1/3 kế hoạch nguồn hàng mua của Bên A nửa đầu tháng hoặc 2/3 kế hoạch nguồn hàng mua của Bên A nửa đầu tháng hoặc kế hoạch nguồn hàng mua của Bên A nửa đầu tháng hoặc 1/3 kế hoạch nguồn hàng mua của Bên A nửa cuối tháng hoặc 2/3 kế hoạch nguồn hàng mua của Bên A nửa cuối tháng hoặc kế hoạch nguồn hàng mua của Bên A nửa cuối tháng mà Bên A đã xác nhận cho Bên B, Bên B phải gửi Đơn đặt hàng/Đề nghị mua hàng cho lượng hàng còn lại phải nhận theo kế hoạch. Nếu Bên B không gửi Đơn đặt hàng/Đề nghị mua hàng cho lượng hàng còn phải nhận theo kế hoạch, mặc nhiên Bên B đã đồng ý mua và Bên A có thể tự động gửi văn bản thông báo

xác nhận bán hàng cho Bên B đúng bằng lượng hàng còn thiếu so với kế hoạch từng giai đoạn. Trường hợp đặc biệt Bên A xem xét, quyết định.

2.3.2 Trường hợp Đơn đặt hàng/Đề nghị mua hàng của Bên B vượt quá kế hoạch nguồn hàng mua của Bên A nửa đầu hoặc nửa cuối tháng, Bên A chỉ đồng ý bán và xác nhận bán hàng cho Bên B theo số lượng căn cứ kế hoạch Bên A đã xác nhận. Lượng hàng còn lại theo Đơn đặt hàng/Đề nghị mua hàng của Bên B có thể chuyển sang kỳ sau hoặc hình thức mua bán bổ sung theo thỏa thuận tại Khoản 1.2, Điều 1 của Hợp đồng này nếu Bên A có khả năng đáp ứng.

2.4 Các trường hợp khác:

2.4.1 Trường hợp Bên B có nhu cầu nhận trước hoặc sau kế hoạch nửa đầu, nửa cuối tháng, Bên B phải gửi văn bản đề nghị tới Bên A. Trên cơ sở cân đối nguồn hàng, Bên A sẽ trả lời bằng văn bản thông báo khả năng đáp ứng/chấp thuận cho Bên B. Các văn bản giao dịch liên quan là phần không tách rời của Hợp đồng này.

2.4.2 Trường hợp Bên B có nhu cầu hoán đổi nguồn hàng giữa các kho hoặc điều chỉnh nguồn hàng, mặt hàng giữa các kho..., Bên B phải gửi văn bản đề nghị tới Bên A. Trên cơ sở cân đối khả năng nguồn hàng, nếu đồng ý Bên A sẽ trả lời bằng văn bản cho Bên B về khả năng đáp ứng/chấp thuận. Các văn bản giao dịch liên quan là phần không tách rời của Hợp đồng này.

2.5 Khi có nhu cầu mua hàng bổ sung theo thỏa thuận tại Khoản 2.1, Điều 1 của Hợp đồng này, Bên B gửi Đơn đặt hàng/Đề nghị mua hàng bổ sung cho Bên A. Tùy thuộc vào nguồn hàng của Bên A và điều kiện thị trường, nếu đồng ý Bên A sẽ trả lời bằng văn bản khả năng đáp ứng đề nghị của Bên B.

2.6 Số lượng Hàng thực bán là số lượng hàng ghi trên văn bản thông báo xác nhận bán hàng của Bên A cho Bên B và được thể hiện trên Hóa đơn GTGT Bên A lập cho Bên B theo số lượng ở nhiệt độ 15°C/kg (FO) và lít ở nhiệt độ thực tế được xác định như sau:

- Quy đổi từ lít ở nhiệt độ 15°C theo hệ số VCF bình quân mùa miền theo quy định của Bên A đối với trường hợp Hàng được giao tại bồn chứa tại các kho giao hàng trên văn bản xác nhận bán hàng của Bên A cho Bên B.

- Theo số lượng thực xuất trên phiếu xuất kho hoặc biên bản giao nhận hàng hóa đối với trường hợp giao trên phương tiện của Bên B đến nhận hàng tại kho giao hàng do Bên A chỉ định hoặc các trường hợp khác do Bên A chỉ định được thể hiện trên công văn xác nhận bán hàng của Bên A cho Bên B.

- Số lượng lít ở nhiệt độ 15°C để tính giá trị tiền hàng và số lượng lít ở nhiệt độ thực tế để Bên A thực hiện trích, sử dụng Quỹ Bình ổn giá theo quy định hiện hành của Nhà nước.

ĐIỀU 3: ĐỊA ĐIỂM NHẬN HÀNG VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

3.1 Địa điểm nhận hàng (Kho nhận hàng): Tại các kho do Bên A chỉ định.

3.2 Phương thức giao nhận: Hàng được giao tại bồn chứa tại các kho giao hàng theo số lượng lít 15°C/kg (FO) trên văn bản xác nhận bán hàng của Bên A cho Bên B và/hoặc giao trên phương tiện của Bên B đến nhận hàng tại kho giao hàng do Bên A chỉ định theo phương thức giao nhận do Bên A quy định.

3.3 Đơn vị tính trong giao nhận: Được tính bằng lít ở nhiệt độ tiêu chuẩn 15°C đối với các mật hàng Xăng RON 95-III/RON 95-IV, Xăng E5 RON92-II, dầu DO 0,05S-II/DO 0,035S-III/DO 0,005S-IV và kg đối với dầu FO N°2B.

ĐIỀU 4: GIÁ BÁN VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

4.1 Giá Bên A bán cho Bên B:

4.1.1 Giá bán đối với lượng hàng theo quy định tại Khoản 1.1, Điều 1 của Hợp đồng này được thực hiện theo Chính sách bán hàng hiện hành của Bên A và các sửa đổi/cập nhật/bổ sung (nếu có).

4.1.2 Giá bán đối với lượng hàng Bên B mua bổ sung theo quy định tại Khoản 1.2, Điều 1 của Hợp đồng được thực hiện theo Chính sách bán hàng hiện hành của Bên A và các sửa đổi/cập nhật/bổ sung (nếu có).

4.1.3 Giá bán đối với lượng hàng Bên B nhận trước hoặc nhận sau kế hoạch nửa đầu và nửa cuối tháng theo quy định tại Điểm 2.4.1, Khoản 2.4, Điều 2 của Hợp đồng này được Bên A thông báo cho Bên B bằng văn bản. Các văn bản giao dịch liên quan là phần không tách rời của Hợp đồng này.

4.1.4 Trường hợp Bên A áp dụng các Chính sách tạo nguồn, chính sách giảm giá bán/chiết khấu bổ sung, chiết khấu thanh toán và các chính sách khác (nếu có) theo quy định tại Chính sách bán hàng hiện hành của Bên A và/hoặc triển khai thực hiện các chương trình giảm giá/khuyến mãi khác theo yêu cầu của Bên A, Bên A sẽ thực hiện thanh toán cho Bên B theo các Quy định, Quy trình hiện hành của Bên A.

4.1.5 Trường hợp Bên B vi phạm các quy định trong Chính sách bán hàng của Bên A, Bên A có quyền điều chỉnh tăng giá bán cho Bên B theo quy định tại Chính sách bán hàng hiện hành của Bên A.

4.1.6 Trong trường hợp có điều chỉnh hóa đơn, Bên B có trách nhiệm đối chiếu xác nhận lại trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được Biên bản điều chỉnh do Bên A gửi. Hóa đơn Giá trị gia tăng điều chỉnh được phát hành không chậm hơn 05 (năm) ngày làm việc sau khi có Biên bản điều chỉnh hoá đơn theo quy định của Hợp đồng này.

4.2 Hình thức bán hàng và thời gian trả chậm: Bên A đồng ý bán hàng tín chấp cho Bên B với thời gian trả chậm được Bên A quy định tại Chính sách bán hàng hiện hành của Bên A và các sửa đổi/cập nhật/bổ sung (nếu có). Các văn bản này là phần không tách rời của Hợp đồng này.

4.3 Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A bằng chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ phải thu, phải trả giữa hai Bên theo các phương thức sau:

4.3.1 Thanh toán hàng ngày: Vào cuối mỗi ngày làm việc sau khi Bên B nhận được tiền thanh toán của khách hàng:

- Tại các Ngân hàng cùng hệ thống với ngân hàng Bên A mở Tài khoản trung tâm: Bên B có trách nhiệm làm việc với ngân hàng chấp nhận dịch vụ quản lý vốn tập trung để cuối mỗi ngày làm việc ngân hàng sẽ chuyển tự động số dư vượt hạn mức duy trì tối đa trên tài khoản của bên B (đã được 2 bên thỏa thuận và đăng ký với ngân hàng) về Tài khoản trung tâm của bên A.

- Tại các ngân hàng thương mại khác hệ thống với ngân hàng Bên A mở tài khoản trung tâm, Bên B có trách nhiệm làm việc với Ngân hàng để chuyển tiền về Tài khoản của Bên A trong ngày.

- Các ngân hàng Bên A mở tài khoản trung tâm gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Sài Gòn; Ngân hàng Thương mại Cổ phần bưu điện Liên Việt – CN Chợ Lớn; Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế - CN HCM; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – CN 7; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TP.HCM; Ngân hàng Dầu Tư & Phát Triển Việt Nam – CN Sở GD II; Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN HCM; Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – CN Bình Thạnh; Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – CN Phú Nhuận; Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – CN HCM và một số Ngân hàng khác phù hợp với nhu cầu kinh doanh của hai Bên.

4.3.2 Ngoài phương thức chuyển tiền thanh toán hàng ngày, Bên B có trách nhiệm thanh toán đủ, đảm bảo thời hạn quy định tại Khoản 4.2, Điều này.

4.4 Thường, phạt thanh toán:

4.4.1 Trường hợp Bên B thanh toán tiền cho Bên A sau thời hạn thanh toán quy định tại Khoản 4.2, Điều này, Bên A sẽ áp dụng tính phạt Bên B do vượt thời hạn thanh toán (quá hạn thanh toán về mặt thời gian) theo các quy định tại Chính sách bán hàng hiện hành của Bên A và các sửa đổi/cập nhật/bổ sung nếu có bằng văn bản do Bên A thông báo cho Bên B.

4.4.2 Trường hợp Bên B thanh toán trước thời hạn quy định tại Khoản 4.2, Điều này, Bên A sẽ áp dụng tính thưởng cho Bên B theo các quy định tại Chính sách bán hàng hiện hành của Bên A và các sửa đổi/cập nhật/bổ sung nếu có bằng văn bản do Bên A thông báo cho Bên B.

4.4.3 Căn cứ tình hình thực tế, Bên A có thể điều chỉnh mức thưởng phạt phù hợp và sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản.

4.4.4 Hàng tháng, hai Bên có trách nhiệm cùng đối chiếu tính thưởng/phạt. Đối với trường hợp phạt, thưởng tại Điểm 4.4.1 và Điểm 4.4.2, Khoản này sẽ được hai bên hạch toán kê toán theo quy định hiện hành, thời điểm xác nhận phạt được bên B trả cho bên A là thời điểm tiền của bên B được chuyển vào tài khoản của bên A sớm nhất của kỳ kế toán tiếp theo; đối với thưởng sẽ được hai bên căn trừ vào công nợ phải thu, phải trả tương ứng trong cùng kỳ kế toán.

ĐIỀU 5: QUYỀN SỞ HỮU, BẢO HIỂM HÀNG HÓA

5.1 Quyền sở hữu và trách nhiệm về rủi ro, tổn thất về hàng hóa:

5.1.1 Trường hợp Hàng được giao tại bồn chứa tại kho do Bên A chỉ định. Quyền sở hữu và mọi rủi ro về hàng hóa sẽ được chuyển từ Bên A sang cho Bên B ngay sau khi Bên A xác nhận bán hàng cho Bên B bằng văn bản và cũng là cơ sở xác nhận công nợ giữa hai Bên. Ngay sau khi Bên A chuyển quyền sở hữu hàng hóa từ Bên A sang Bên B thì Bên B mặc nhiên đồng ý chuyển lượng hàng đã mua, thuộc sở hữu của bên B sang hàng gửi tại kho nhận hàng do Bên A chỉ định. Việc gửi hàng được thực hiện theo Hợp đồng gửi kho giữa hai Bên hoặc giữa Bên B với Bên nhận gửi hàng.

5.1.2 Trường hợp Hàng được giao lên phương tiện nhận hàng của Bên B, quyền sở hữu và mọi rủi ro về hàng hóa sẽ được chuyển từ Bên A sang Bên B kể từ khi hàng đi qua khớp nối của hai mặt bích nối giữa ống xuất hàng của kho xuất hàng và phương tiện nhận hàng của Bên B.

5.2 *Bảo hiểm hàng hóa*: Mỗi Bên tự chịu trách nhiệm về bảo hiểm hàng hóa và tài sản của mình kể từ thời điểm chuyển giao quyền sở hữu và rủi ro hàng hóa tại Khoản 5.1, Điều này.

ĐIỀU 6: THỎA THUẬN VỀ ỦY QUYỀN VÀ QUYỀN SỬ DỤNG HÀNG HÓA

Thỏa thuận về ủy quyền: Bên A cam kết thực hiện ủy quyền cho Bên B được thực hiện một phần quyền, nghĩa vụ đầu mối kinh doanh xăng dầu theo Hợp đồng ủy quyền do hai Bên thỏa thuận theo quy định tại Nghị định 83/2014/ND-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, Nghị định số 95/2021/ND-CP ngày 01/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 83/2014/ND-CP ngày 03/09/2014, các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành và các sửa đổi/bổ sung (nếu có);

6.1 Phù hợp với phạm vi, nội dung ủy quyền, hai Bên thống nhất quy định chung: Tồn kho sở hữu của Bên B và tồn kho sở hữu của Bên A được quy định thuộc tổng thể tồn kho hệ thống của đầu mối kinh doanh xăng dầu (PVOIL) theo quy định của Nhà nước.

6.2 Bên A có quyền vay mượn, sử dụng hàng hóa Bên B chưa nhận ra khỏi kho trong bất kỳ tình huống nào và hoàn trả lại lượng hàng đã vay, sử dụng cho Bên B.

ĐIỀU 7: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA MỖI BÊN

7.1 *Quyền và nghĩa vụ của Bên A:*

7.1.1 Thực hiện ủy quyền cho Bên B được thực hiện một phần quyền, nghĩa vụ đầu mối kinh doanh xăng dầu theo Hợp đồng ủy quyền do hai Bên thỏa thuận.

7.1.2 Đảm bảo mặt hàng, số lượng và chất lượng Hàng cung cấp cho Bên B như quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này.

7.1.3 Đảm bảo tính hợp pháp của Hàng cung cấp cho Bên B.

7.1.4 Cung cấp hóa đơn bán hàng và các chứng từ xuất hàng (nếu có) cho Bên B.

7.1.5 Giám sát, kiểm tra việc tổ chức kinh doanh của Bên B để đảm bảo Bên B tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước về hoạt động kinh doanh xăng dầu và các Chính sách bán hàng của Bên A.

7.1.6 Thông báo giá bán và lãi thưởng/phạt cho Bên B theo đúng quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.

7.1.7 Chuẩn bị trang thiết bị, điều kiện cần thiết đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ...theo quy định tại kho xuất hàng để tiếp nhận phương tiện vận chuyển của Bên B đến nhận hàng.

7.1.8 Thông báo cho Bên B các đặc tính kỹ thuật hệ thống kho chứa hàng cũng như các quy định về PCCC, an toàn, sức khỏe, môi trường của Bên A để Bên B tuân thủ cũng như bố trí phương tiện vận chuyển tới nhận hàng phù hợp.

7.1.9 Trường hợp có thay đổi kế hoạch giao hàng so với kế hoạch đã thống nhất giữa hai Bên, Bên A thông báo cho Bên B trong thời gian sớm nhất có thể để Bên B có điều kiện điều chỉnh kế hoạch tiếp nhận và bán hàng của mình.

7.1.10 Hàng tháng/quý phối hợp với Bên B ký kết các biên bản đối chiếu liên quan công nợ; thưởng/phạt... theo quy định của Hợp đồng và các yêu cầu khác theo yêu cầu quản lý.

7.1.11 Định kỳ hoặc đột xuất có quyền kiểm tra, giám sát toàn bộ việc tổ chức hệ thống phân phối và bán hàng của Bên B.

7.2 Quyền lợi và nghĩa vụ của Bên B:

7.2.1 Được Bên A ủy quyền thực hiện một phần quyền, nghĩa vụ đầu mỗi kinh doanh xăng dầu theo Hợp đồng ủy quyền do hai Bên thỏa thuận.

7.2.2 Thực hiện đăng ký, mua hàng, nhận hàng đầy đủ nguồn hàng đã đăng ký và được Bên A xác nhận theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Hợp đồng này.

7.2.3 Xây dựng và tổ chức hệ thống phân phối của mình theo đúng quy định của Bên A và của Nhà nước. Tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bên A trong công tác phân công, phát triển thị trường/khách hàng, bán hàng và phối hợp thị trường được quy định trong Chính sách bán hàng của Bên A.

7.2.4 Thực hiện thanh toán tiền hàng đầy đủ và đúng hạn cho Bên A theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.

7.2.5 Hàng tháng/Quý phối hợp với Bên A thực hiện việc đối chiếu đối chiếu liên quan đến công nợ; thưởng, phạt theo quy định của Hợp đồng và các yêu cầu khác theo yêu cầu quản lý.

7.2.6 Cung cấp, báo cáo các số liệu/tài liệu liên quan đến công tác bán hàng, thị trường, hệ thống phân phối... của Bên B theo yêu cầu của Bên A.

7.2.7 Chủ động xây dựng chính sách bán hàng, giá bán, công nợ, ... cho hệ thống phân phối của mình đảm bảo đúng và phù hợp với quy định của Bên A và Nhà nước.

7.2.8 Giữ các bí mật về các thông tin, tài liệu, chính sách, giá bán, ... của Bên A và các quy định bảo mật khác của Nhà nước. Trường hợp Bên B muốn cung cấp các thông tin cho bên thứ ba phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

7.2.9 Bên B bằng chi phí của mình, thu xếp phương tiện vận chuyển đến nhận hàng tại kho của Bên A hoặc kho do Bên A chỉ định.

7.2.10 Bằng chi phí của mình, Bên B có trách nhiệm trang bị logo, bảng hiệu, ... cho hệ thống phân phối của mình theo đúng quy định nhận dạng thương hiệu của Bên A và quy định của Nhà nước.

7.2.11 Xây dựng cơ chế và nhân sự để kiểm tra, giám sát hệ thống phân phối của mình và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về số lượng, chất lượng xăng dầu bán ra và phân phối đúng đối tượng tiêu thụ theo quy định của Pháp luật.

7.2.12 Bên B chịu trách nhiệm và bằng chi phí của mình giải quyết toàn bộ mọi hậu quả (bao gồm bồi thường thiệt hại cho Bên A và Bên thứ ba) về số lượng, chất lượng hàng hóa kể từ thời điểm chuyển quyền sở hữu và rủi ro, tổn thất về hàng hóa như quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

7.2.13 Khi nhận hàng tại kho của Bên A, Bên B hoặc/và phương tiện vận chuyển của Bên B phải chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, quy định của kho, điều kiện về an toàn môi trường, phòng cháy chữa cháy, kiểm định, đo lường.

7.2.14 Bên B chịu trách nhiệm và bằng chi phí của mình giải quyết toàn bộ mọi hậu quả (bao gồm bồi thường thiệt hại cho Bên A và bên thứ ba) trong trường hợp Bên B và/hoặc phương tiện vận chuyển của Bên B đến nhận hàng tại kho của Bên A không tuân thủ các nội quy, quy định của kho, điều kiện về an toàn môi trường, phòng cháy chữa cháy, kiểm định, đo lường để xảy ra mất an toàn, cháy nổ cũng như vệ sinh môi trường.

7.2.15 Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định tại Quy chế bán hàng, Chính sách bán hàng và Quy trình bán hàng cho các Đơn vị kinh doanh hiện hành của Bên A và các quy định của Nhà nước về kinh doanh xăng dầu.

ĐIỀU 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Hai Bên cam kết thực hiện các nội dung quy định tại Hợp đồng này. Trong trường hợp sau 10 ngày kể từ ngày xảy ra tranh chấp mà hai Bên không tự thỏa thuận được, thì mỗi Bên đều có quyền đưa vụ việc ra tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng có thời hạn từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/01/2023 cho đến khi các Bên thực hiện xong các quyền và nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng này. Nếu 30 ngày trước ngày hết hạn của Hợp đồng mà hai Bên không có ý kiến nào khác bằng văn bản, thì Hợp đồng được mặc nhiên gia hạn cho năm tiếp theo.

ĐIỀU 10: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

10.1 Hai Bên cam kết thực hiện đúng theo quy định của Hợp đồng này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

10.2 Chính sách bán hàng hiện hành và các sửa đổi/cập nhật/bổ sung (nếu có), các văn bản xác nhận, thông báo của Bên A cho Bên B là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

10.3 Hợp đồng này không thể chuyển nhượng cho Bên thứ ba nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

10.4 Phụ lục hợp đồng, mọi bổ sung, sửa đổi phải được thể hiện bằng văn bản và được đại diện hợp pháp giữa hai Bên ký, đóng dấu mới có hiệu lực pháp lý.

10.5 Hợp đồng này được ký bằng Chữ ký số thông qua phần mềm ký số của Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần tại địa chỉ: <https://conghongtin.pvoil.vn>.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty [REDACTED]

Giấy phép kinh doanh số: 4600/[REDACTED], cấp ngày [REDACTED] tháng [REDACTED] năm 20 [REDACTED]

Địa chỉ: [REDACTED], Phường [REDACTED], Quận [REDACTED], Tỉnh Thái Nguyên.



Số:/TPVHCC

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 06 năm 20XY

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ: H55.12-XY0612-0001

(Liên 2: Giao công dân, tổ chức)

Trung tâm Phục vụ hành chính công: Sở Công thương

Họ và tên công chức nhận hồ sơ: **Trần Thị Y** Số điện thoại: 09yyyyyyyy

Tiếp nhận hồ sơ của: **Công ty A**

Địa chỉ: Phường B, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Số điện thoại: 09xxxxxxx Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết: Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho Công ty A

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1. - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 95/2021/NĐ-CP;
2. - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu;
3. - Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP) và tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu;
4. - Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý và nhân viên cửa hàng theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;
5. - Bản sao văn bản xác nhận cung cấp hàng cho các cửa hàng xăng dầu của thương nhân cung cấp;
6. - Bản sao giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: 20 ngày

Thời gian nhận hồ sơ: **09:22:38 ngày 12/06/20XY**

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: **09:22:38 ngày 10/07/20XY**

Đăng ký nhận kết quả tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công

Trước khi lấy kết quả, vui lòng tra cứu thông tin tại: <https://dichvucong.thainguyen.gov.vn>

Vào sổ theo dõi hồ sơ, Quyển số: Số bộ hồ sơ: 01

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Y

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN

SỞ CÔNG THƯƠNG

Số: .../GCNĐĐK-SCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20XY

GIẤY CHỨNG NHẬN
CỬA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU

Cấp lần thứ nhất: ngày ... tháng ... năm 20XY

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Quyết định 1353/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 01/10/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên sửa đổi Điều 2 và điểm b, điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu của Công ty A;
Theo đề nghị của Phòng Quản lý thương mại và Hội nhập kinh tế quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

1. Tên cửa hàng: Cửa hàng số 1.

Địa chỉ: Phường B, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 09xxxxxxx

số Fax:

Thuộc sở hữu: Công ty A.

Địa chỉ trụ sở chính: Phường B, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 09xxxxxxx

số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600xyxyxy do Sở Kế hoạch và Đầu tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký lần đầu ngày .../.../20...

Mã số thuế: 4600xyxyxy.

Đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên thương nhân: Tổng công ty dầu Việt Nam- Công ty cổ phần (PVOIL).

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14-18 Tòa nhà Petro Việt Nam Tower, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028-39106990

số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do Sở Kế hoạch và Đầu thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày .../.../20....

Mã số thuế: 03xxxxxxx.

Điều 2. Công ty A phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu này có giá trị đến hết ngày .. tháng ... năm 20..../.

Nơi nhận:

- Công ty A;
- Bộ Công Thương (b/c);
- Lưu: VT, P. QLTM&HNKTQT.

GIÁM ĐỐC